

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22 – 01 – 2025

*V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dư Văn Thanh

Ông Huỳnh Đạt Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Thành Công – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024, về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 658/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Điền Thị Thanh N, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số nhà 202, ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt - do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Trương Thanh C, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số nhà 456/46, đường M, Khóm A, Phường B (nay là Phường D), thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 8 năm 2024, biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 11 năm 2024 và đơn xin vắng mặt tham gia phiên tòa xét xử ngày 13 tháng 01 năm 2025, nguyên đơn bà Điền Thị Thanh N trình bày:

Bà và ông Trương Thanh C kết hôn vào ngày 13/6/2016. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu ông bà chung sống với nhau hạnh phúc. Đến tháng 11 năm 2023, ông

bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường gây cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Bà Điền Thị Thanh N về nhà cha mẹ ruột ở ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng để sinh sống từ đó cho đến nay.

Trong thời gian chung sống bà Điền Thị Thanh N và ông Trương Thanh C sinh được 01 (một) người con chung tên Trương Mỹ C, sinh ngày 03/5/2021. Hiện nay cháu Trương Mỹ C sống chung với bà Điền Thị Thanh N.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và đơn xin vắng mặt tham gia phiên tòa xét xử, bà Điền Thị Thanh N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Trương Thanh C.
- Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trương Mỹ C và không yêu cầu ông Trương Thanh C cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Bị đơn ông Trương Thanh C vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa trình bày ý kiến:

- Về tố tụng: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Điền Thị Thanh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 19 tháng 8 năm 2024, nguyên đơn bà Điền Thị Thanh N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết về nuôi con khi ly hôn với ông Trương Thanh C. Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án, bị đơn ông Trương Thanh C cư trú tại thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân thành phố S thụ lý giải quyết theo

thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà Điền Thị Thanh N đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trương Thanh C đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 235 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Điền Thị Thanh N, ông Trương Thanh C và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[3] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Điền Thị Thanh N:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Điền Thị Thanh N và ông Trương Thanh C tự nguyện kết hôn vào năm 2016 và được Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/6/2016 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Điền Thị Thanh N và ông Trương Thanh C là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, bà Điền Thị Thanh N có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Xét lý do yêu cầu ly hôn, bà Điền Thị Thanh N cho rằng: Sau thời gian chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2023, ông bà phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây cãi nhau do bất đồng quan điểm sống. Ông bà không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hiện nay ông bà đã không còn chung sống cùng nhau. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng đã thông báo họp lệ cho ông Trương Thanh C biết về yêu cầu khởi kiện cũng như các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn bà Điền Thị Thanh N cung cấp. Ông Trương Thanh C không trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà nguyên đơn đưa ra. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 92 và khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về việc xác định chứng cứ và những tình tiết sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà là có thật. Mặt khác, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để động viên vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông Trương Thanh C không đến tham gia và bà Điền Thị Thanh N vẫn kiên quyết ly hôn. Từ đó cho thấy, hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu xin ly hôn của bà Điền Thị Thanh N là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Điền Thị Thanh N được ly hôn với ông Trương Thanh C.

[3.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Điền Thị Thanh N và ông Trương Thanh C sinh được 01 (một) người con chung tên Trương Mỹ C (nữ, sinh ngày 03/5/2021). Bà Điền Thị Thanh N yêu cầu sau khi ly hôn, bà được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Mỹ C cho đến khi cháu Trương Mỹ C thành niên. Xét thấy, hiện nay cháu Trương Mỹ C đang sống chung với bà Điền Thị Thanh N. Cháu được chăm sóc tốt, phát triển khỏe mạnh bình thường. Nhằm đảm bảo cuộc sống cho cháu Trương Mỹ C ổn định về mọi mặt, hạn chế sự xáo trộn môi

trường sống. Việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm, sự phát triển của cháu. Bên cạnh đó, ông Trương Thanh C cũng không có ý kiến đối với yêu cầu của bà Điền Thị Thanh N. Do đó Hội đồng xét xử quyết định cho bà Điền Thị Thanh N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trương Mỹ C cho đến khi cháu Trương Mỹ C thành niên (đủ 18 tuổi).

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Điền Thị Thanh N khẳng định có khả năng, điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trương Mỹ C và không yêu cầu ông Trương Thanh C cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ông Trương Thanh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3.4] Về tài sản chung: Bà Điền Thị Thanh N xác định trong thời gian chung sống, ông bà không tạo lập ra tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.5] Về nợ chung: Bà Điền Thị Thanh N xác định ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Điền Thị Thanh N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Trương Thanh C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Điền Thị Thanh N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Điền Thị Thanh N và ông Trương Thanh C được ly hôn.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Điền Thị Thanh N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Trương Mỹ C (nữ, sinh ngày 03/5/2021) cho đến khi cháu Trương Mỹ C thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông Trương Thanh C không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung. Ông Trương Thanh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cháu Trương Mỹ C mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Điền Thị Thanh N xác định trong thời gian chung sống, ông bà không tạo lập ra tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Điền Thị Thanh N xác định ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Điền Thị Thanh N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002166 ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Bà Điền Thị Thanh N đã nộp xong án phí. Ông Trương Thanh C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Bà Điền Thị Thanh N và ông Trương Thanh C có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố S;
- CC THADS thành phố S;
- Các đương sự;
- UBND Phường D, thành phố S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Lệ Hằng